

CARMERO 0.5g/1g

Meropenem

THÀNH PHẦN: Cho 1 lọ thuốc bột pha tiêm

Carmero 0,5g.....Meropenem 0,5g (Dưới dạng Meropenem trihydrat).

Carmero 1g.....Meropenem 1g (Dưới dạng Meropenem trihydrat)

Tá dược: Natri carbonat.

CHỈ ĐỊNH:

- Meropenem được dùng cho nhiễm khuẩn nặng, nhiễm khuẩn hỗn hợp mắc phải trong bệnh viện:

+ Viêm phổi mắc ở bệnh viện.

+ Nhiễm khuẩn đường tiết niệu.

+ Nhiễm khuẩn trong ổ bụng.

+ Nhiễm khuẩn phụ khoa.

+ Nhiễm khuẩn da và mô da.

+ Viêm màng não.

+ Nhiễm khuẩn huyết.

- Điều trị theo kinh nghiệm bệnh sốt do giảm bạch cầu trung tính ở người lớn. Khi thích hợp, cần nuôi cấy và làm test nhạy cảm để xác định sự nhạy cảm của vi sinh vật gây bệnh với Meropenem.

- Điều trị bằng meropenem có thể tiến hành trước khi biết kết quả về nghiên cứu sự nhạy cảm, tuy nhiên một khi các kết quả này đã có giá trị, thì nên điều chỉnh liệu pháp kháng sinh cho phù hợp.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

Liều dùng:

Người lớn:

* Liều thường dùng: 0,5 – 1 g mỗi 8 giờ.

* Điều trị viêm màng não, xơ hóa nang: 2 g mỗi 8 giờ.

Trẻ em trên 3 tháng tuổi và dưới 50 kg:

* Liều thường dùng: 10 – 20 mg/kg mỗi 8 giờ.

* Điều trị viêm màng não: 40 mg/kg mỗi 8 giờ.

* Điều trị xơ hóa nang cho trẻ em từ 4 – 18 tuổi: 25 – 40 mg/kg mỗi 8 giờ.

Đối với bệnh nhân suy thận, cần điều chỉnh liều theo độ thanh thải creatinin:

Độ thanh thải creatinin (ml/phút)	Liều ban đầu 0,5 - 1 g, sau đó
26 - 50	Liều thường dùng, mỗi 12 giờ
10 - 25	Nửa liều thường dùng, mỗi 12 giờ
< 10 ml	Nửa liều thường dùng, mỗi 24 giờ
Bệnh nhân thẩm tách máu	Liều bình thường sau khi thẩm tách

+ Bệnh nhân suy gan không cần điều chỉnh liều meropenem.

Cách dùng:

+ CARMERO 0.5 g/1 g được tiêm tĩnh mạch chậm trong 3 – 5 phút hoặc truyền tĩnh mạch trong 15 – 30 phút.

+ Cần lắc kỹ lọ cho tới khi tan hết thuốc, rồi để nguyên tới khi dung dịch trong suốt. Để tiêm tĩnh mạch, thì dung dịch đã pha cần tiêm trong thời gian 3 – 5 phút.

+ Để truyền tĩnh mạch, lấy 500 mg hoặc 1 gam trong lọ và hòa loãng với dung môi tương hợp để cuối cùng cho các dung dịch chứa 2,5 – 50 mg/ml (10 - 20 ml cho 500 mg và 20 – 400 ml cho 1 gam) của thuốc và cần truyền trong thời gian 15 – 30 phút.

+ Các dung dịch tương hợp: nước cất pha tiêm; dung dịch dextrose 5% hoặc 10%; dung dịch natri clorid 0,9%; glucose 5% hoặc 10%; glucose 5% + NaCl 0,9 hoặc

0,225%; glucose 5% + KCl 0,15%; Glucose 5% + 0,02% NaHCO₃; manitol 2,5% hoặc 10%.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Bệnh nhân quá mẫn cảm với các penicilin, cephalosporin hoặc các kháng sinh beta-lactam khác.

THẬN TRỌNG:

- Meropenem nên được dùng cẩn thận ở bệnh nhân có tiền sử nhạy cảm với penicilin, cephalosporin, hoặc các kháng sinh beta-lactam khác vì có khả năng gây dị ứng chéo.

- Cẩn thận khi sử dụng cho bệnh nhân bị suy thận, và nên giảm liều thích hợp.

- Đặc biệt cẩn thận khi sử dụng cho bệnh nhân bị rối loạn hệ thần kinh trung ương như động kinh.

SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

- Chưa có các nghiên cứu đầy đủ và có kiểm soát chặt về meropenem ở người mang thai nên chỉ dùng thuốc này trong thai kỳ khi thật cần thiết.

- Chưa rõ sự bài tiết meropenem qua sữa mẹ nên cẩn thận trọng khi dùng cho người mẹ trong thời kỳ cho con bú.

TÁC DỤNG ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

- Thuốc không gây ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

- Probenecid cạnh tranh với sự đào thải tích cực của Meropenem qua ống thận và kéo dài thời gian bán thải của meropenem lên 1/3.

- Dùng meropenem cho bệnh nhân dùng natri valproat có thể làm giảm nồng độ acid valproic trong huyết thanh, với một số bệnh nhân, do đó có thể gặp nồng độ của acid valproic dưới ngưỡng điều trị.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

- Phản ứng tại chỗ: viêm, viêm tĩnh mạch huyết khối, đau tại chỗ tiêm.

- Dị ứng: phát ban, ngứa, mề đay, hiếm khi phù mạch và quá mẫn.

- Da: viêm da tróc vảy, hội chứng ban đỏ, hội chứng Stevens-Johnson, hoại tử biểu bì hiếm khi xảy ra.

- Tiêu hóa: đau bụng, nôn, buồn nôn, tiêu chảy, viêm đại tràng màng giả.

- Thần kinh: đau đầu, dị cảm.

- Rối loạn huyết học.

- Chức năng gan: tăng nồng độ bilirubin, transaminase, phosphatase kiềm & lactic dehydrogenase.

- Bội nhiễm: Candida miệng và âm đạo.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ LÝ:

- Chưa thấy xảy ra quá liều khi dùng đường tiêm. Khuyến cáo dùng các biện pháp điều trị hỗ trợ thích hợp nếu có quá liều.

BẢO QUẢN: Nhiệt độ phòng từ (15-30°C), nơi khô, tránh ánh sáng.

TIÊU CHUẨN: USP 30

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 1 lọ

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

SẢN XUẤT BỞI: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM EUVIPHARM

Áp Bình Tiên 2, Xã Đức Hoà Hạ, Đức Hoà, Long An